

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 159/2022/DS-PT

Ngày: 21/7/2022

V/v “Yêu cầu bồi thường thiệt hại
cho người bị oan do người có thẩm
quyền của cơ quan tiến hành tố
tụng hình sự gây ra”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Kim Cua

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Đạt

Ông Nguyễn Thế Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Sương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện KS tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xa Riêng - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 120/2022/TLPT-DS ngày 01 tháng 6 năm 2022 về việc yêu cầu bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự gây ra.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố BT bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 143/2022/QĐ-PT ngày 29 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Châu Ngọc N, sinh năm 1957;

Địa chỉ: Số nhà 391E, ấp P, xã P1, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Viện KS;

Địa chỉ: Số U, Đại lộ Đ, phường P, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật của Viện KS là: Ông Châu Văn T, chức vụ: Viện trưởng Viện KS.

Người đại diện theo ủy quyền của Viện trưởng Viện KS là: Ông Võ Việt H1 – Kiểm sát viên.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Cơ quan CS. Địa chỉ: 401D, đường Đ1, Phường L, thành phố BT, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật của Cơ quan CS là: Ông Võ Công B – Chức vụ: Thủ trưởng Cơ quan CS.

Người đại diện theo ủy quyền của Thủ trưởng Cơ quan CS là: Ông Lê Ngọc Y – Chức vụ: Phó Thủ trưởng Cơ quan CS.

- Người kháng cáo: Cơ quan CS là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện cùng các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Châu Ngọc N trình bày:

Ngày 10/12/1990, ông Châu Ngọc N bị Cơ quan CS bắt tạm giam để điều tra về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa*”. Khi bắt ông tạm giam thì Cơ quan CS có lập bản thống kê những đồ vật tạm giữ khi khám xét, trong đó có nội dung đã tạm giữ “*Một số giấy tờ được đánh số từ 01 đến số 59 tờ có chữ ký tên Châu Ngọc N phía mặt sau....*”.

Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre tuyên xử ông không phạm tội bằng Bản án hình sự sơ thẩm số 77 ngày 01/11/1993. Viện KS kháng nghị phần trách nhiệm dân sự trong bản án hình sự sơ thẩm. Tại Bản án hình sự phúc thẩm số 1044 ngày 31/8/1993, Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân Tối cao đã tuyên xử chấp nhận kháng nghị của Viện KS về phần trách nhiệm dân sự, do phần trách nhiệm hình sự đối với ông không có kháng cáo, kháng nghị được giữ nguyên nhưng không xử lý đối với các tài liệu đã thu giữ của ông.

Căn cứ Bản án hình sự sơ thẩm số 77 ngày 01/11/1993, ông đã khởi kiện yêu cầu bồi thường thiệt hại cho người bị oan do người có thẩm quyền của cơ quan tiến hành tố tụng hình sự gây ra theo quy định của Nghị quyết số 388. Tòa án nhân dân thành phố BT đã thụ lý giải quyết và xét xử bằng Bản án số 12 ngày 27/11/2008. Do có kháng cáo nên tại Bản án dân sự phúc thẩm số 328 ngày 14/7/2009, Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre đã tuyên: hủy bản án sơ thẩm số 12 và đình chỉ giải quyết vụ án. Quyết định tái thẩm số 189 ngày 21/5/2015 đã tuyên

hủy bản án sơ thẩm và phúc thẩm, giao Tòa án nhân dân thành phố BT xét xử sơ thẩm lại.

Tòa án nhân dân thành phố BT xét xử sơ thẩm lại bằng Bản án số 06 ngày 03/02/2016 và Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm bằng Bản án số 113 ngày 25/5/2016 với nội dung y án sơ thẩm. Quyết định giám đốc thẩm số 104 ngày 07/5/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao đã hủy một phần bản án sơ và bản án phúc thẩm đối với nội dung yêu cầu cấp dưỡng nuôi Châu Trần Ngọc Lan H và phần thu giữ 59 giấy tờ theo biên bản tạm giữ ngày 10/12/1990.

Căn cứ Quyết định giám đốc thẩm số 104/2019/DS-GĐT ngày 07/5/2019 và bản thống kê những đồ vật tạm giữ khi khám xét ngày 10/12/1990 ông khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố BT buộc Viện KS bồi thường số tiền cấp dưỡng nuôi Châu Trần Ngọc Lan H, sinh năm 1987 là 50.660.000 đồng và buộc Cơ quan CS phải có trách nhiệm trả cho ông bản chính 59 giấy tờ đánh số từ 01 đến 59 đã thu giữ của ông vì các giấy tờ này là các hợp đồng và các biên nhận tiền ông làm kinh tế trước khi bị bắt.

Trong thời gian Tòa án nhân dân thành phố BT đang giải quyết vụ án thì Viện KS đã thực hiện xong việc bồi thường cho ông tiền cấp dưỡng nuôi Châu Trần Ngọc Lan H là 50.660.000 đồng nên ông rút lại yêu cầu khởi kiện đối với Viện KS.

Trong quá trình tố tụng, Cơ quan CS đã tìm được 33 bản chính trong số 59 giấy tờ đã thu giữ của ông nhưng chưa thực hiện việc giao trả cho ông. Trong 26 bản chính các giấy tờ còn lại ông tự nguyện không yêu cầu nhận bản chính của 12 giấy tờ do ông đã nhờ người thu được tiền trong các giấy tờ này. Trường hợp Cơ quan CS đã làm mất các giấy tờ đã thu giữ của ông thì ông yêu cầu bồi thường bằng tiền tương đương giá trị của 14 giấy tờ trong 26 giấy tờ chưa tìm được, tất cả đều tính lãi từ ngày 10/12/1990 đến ngày xét xử với mức lãi suất chung 1%/tháng, số tiền cụ thể ông đề nghị bồi thường là 90.030.375.000 đồng. Các giấy tờ ông yêu cầu bao gồm: 01 tờ là biên nhận của ông Hồ Văn H2, sinh năm 1958, trị giá 624.000.000 đồng; 01 tờ là biên nhận của Trần Văn P2 trị giá 50.000.000 đồng; 01 tờ là biên nhận của ông Dương Thanh S1 trị giá bằng 05 cây vàng 24K và 3,5 cây vàng 18K theo giá thị trường; 01 tờ là biên nhận của L trị giá bằng 02 triệu đồng và 02 chỉ vàng 24K theo giá thị trường; 01 tờ là biên nhận của Trần Văn P3 trị giá bằng 04 chỉ vàng 24K theo giá thị trường; 01 tờ là biên nhận của ông Nguyễn Văn N2 trị giá bằng 25.000.000 đồng; 01 tờ là biên nhận của ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1921 (tên thường gọi Ba T6) trị giá bằng 19.000.000 đồng; 01 tờ là biên nhận của ông Hồ Văn Đ1, sinh năm 1921/1922 (là ba ông S) trị giá bằng 17.000.000 đồng; 01 tờ là biên nhận của ông Dương Văn T8, sinh năm 1966/1967 trị giá bằng 9.500.000 đồng; 01 tờ là hợp đồng nuôi nhêu

với ông Trần Văn T9, sinh năm 1956 trị giá bằng 4,5 cây vàng 24K theo giá thị trường; 04 tờ (đánh 04 số thứ tự) là hợp đồng mua bán gỗ, ông là người mua, ông T10 và ông C3 là người bán trị giá 86.485.000.000 đồng.

Theo các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của bị đơn Viện KS là ông Võ Việt H1 trình bày:

Viện KS đồng ý bồi thường cho ông Châu Ngọc N khoản tiền cấp dưỡng nuôi Châu Trần Ngọc Lan H với số tiền là 50.660.000 đồng và đã thực hiện xong.

Đối với bản chính 59 giấy tờ đã thu giữ của ông Châu Ngọc N theo bản thống kê những đồ vật tạm giữ khi khám xét ngày 10/12/1990 thì không có chứng cứ thể hiện Cơ quan CS đã chuyển toàn bộ cho Viện KS nên trách nhiệm hoàn trả các giấy tờ cho ông N thuộc về Cơ quan CS do Cơ quan CS đã thu các giấy tờ này. Tuy nhiên, do ông N có liên quan đến 03 vụ án mà những vụ án này đều có rất nhiều bút lục nên việc tìm kiếm gặp nhiều khó khăn. Đề nghị ông N và Cơ quan CS thỏa thuận thêm một khoảng gian cụ thể để tìm kiếm lần cuối cùng đối với các giấy tờ còn lại.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cơ quan CS cùng người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Lê Ngọc Yên trình bày:

Cơ quan CS thừa nhận có thu giữ của ông N “Một số giấy tờ được đánh số từ 01 đến số 59 tờ có chữ ký tên Châu Ngọc N phía mặt sau” theo bản thống kê những đồ vật tạm giữ khi khám xét ngày 10/12/1990. Việc thu giữ để phục vụ điều tra vì ông N có liên quan trong các hồ sơ vụ án của Hồ Văn H2, Nguyễn Thành S và Ngô Thanh M, đều do Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm nhưng khi thu giữ không tiến hành liệt kê cụ thể các giấy tờ đã thu giữ.

Các vụ án này có nhiều bút lục nên việc tìm kiếm gặp nhiều khó khăn. Cơ quan CS đã thực hiện việc tìm kiếm trong hồ sơ Hồ Văn H2 đang lưu giữ tại Tòa án nhân dân tối cao và đã tìm được bản chính của 33 giấy tờ có chữ ký của ông N nhưng chưa thực hiện việc giao trả cho ông N. Riêng 02 hồ sơ còn lại của Nguyễn Thành S và Ngô Thanh M hiện chưa xác định được cơ quan nào đang lưu trữ nên chưa thực hiện tìm kiếm. Cơ quan CS đã có văn bản liên hệ với Tòa án nhân dân tối cao đề nghị được tiếp cận và tìm kiếm trong 02 hồ sơ còn lại nhưng chưa nhận trả lời từ Tòa án tối cao. Khi được chấp nhận sẽ nhanh chóng thực hiện tìm kiếm các giấy tờ còn lại, đề nghị ông N và Hội đồng xét xử tạo điều kiện về thời gian để tiếp tục tìm và thực hiện giao trả cho ông N. Việc tìm kiếm này phụ thuộc vào các cơ quan khác và hiện đang bị ảnh hưởng bởi dịch bệnh nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không thể xác định được cụ thể thời gian kết

thúc việc tìm kiếm.

Cơ quan CS không đồng ý bồi thường các giấy tờ chưa tìm được cho ông N theo số tiền mà ông N đề nghị do chưa kết thúc việc tìm kiếm và do khi thu giữ không có bảng liệt kê cụ thể, qua kiểm tra các hồ sơ lưu và các chứng cứ gián tiếp thì có đề cập đến các biên nhận nhưng có biên nhận viết chỉ nhằm mục đích phục vụ việc kinh doanh của ông N và một vài biên nhận giá trị không lớn như ông N đã nêu, hoàn toàn không có mô tả nội dung về hợp đồng mua bán gỗ ... Sau khi đã thực hiện tất cả các biện pháp tìm kiếm mà vẫn không tìm được thì Cơ quan CS sẽ thông báo cho Tòa án và có phương án thỏa thuận cụ thể với ông N đối với những giấy tờ tài liệu không tìm được.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố BT đã quyết định như sau:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Ngọc N về việc yêu cầu Viện KS bồi thường 50.660.000 đồng (năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền cấp dưỡng nuôi con tên Châu Trần Ngọc Lan H, sinh năm 1987.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Ngọc N đối với Cơ quan CS.

Buộc Cơ quan CS có trách nhiệm trả cho ông Châu Ngọc N “Một số giấy tờ được đánh số từ 01 (một) đến số 59 (năm mươi chín) tờ có chữ ký tên Châu Ngọc N phía mặt sau” theo bản thống kê những đồ vật tạm giữ khi khám xét ngày 10/12/1990.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về quyền kháng cáo bản án, quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 08/4/2022 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cơ quan CS kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố BT, yêu cầu sửa bản án dân sự sơ thẩm, theo hướng buộc Cơ quan CS, Viện KS và Tòa án xét xử cấp sơ thẩm, phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao nơi lưu trữ hồ sơ phải cùng có trách nhiệm tìm và giao trả lại những tài liệu theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn ông Châu Ngọc N trình bày ông đã rút yêu cầu Cơ quan CS giao trả 12 giấy tờ trong 59 giấy tờ đã thu giữ của ông nên nay chỉ yêu cầu giao trả 47 giấy tờ và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cơ quan CS vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; ông Châu Ngọc N đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Cơ quan CS vì ông cho rằng Cơ quan CS là người trực tiếp thu giữ các giấy tờ của ông thì phải hoàn trả cho ông. Đối với Viện KS và Tòa án xét xử cấp sơ thẩm, phúc thẩm, Tòa án

nhân dân tối cao nơi lưu trữ hồ sơ không có nhận nên ông không yêu cầu những cơ quan này trả.

Ông Lê Ngọc Yên trình bày: Cơ quan CS là người trực tiếp thu giữ các giấy tờ của ông Châu Ngọc N nhưng khi chuyển hồ sơ cho Viện KS để truy tố và sau đó Viện KS chuyển giao hồ sơ cho Tòa án xét xử thì Cơ quan CS đã chuyển toàn bộ giấy tờ đã giữ của ông N thro hồ sơ nên các cơ quan tiến hành tố tụng là Cơ quan CS, Viện KS và Tòa án xét xử cấp sơ thẩm, phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao nơi lưu trữ hồ sơ phải cùng có trách nhiệm tìm và giao trả lại những tài liệu, giấy tờ cho ông N.

Ông Lê Việt Hùng trình bày: Theo biên nhận chuyển giao hồ sơ thì Cơ quan CS chuyển cho Viện KS hồ sơ gồm 27 tập, không nói rõ bao nhiêu tài liệu, trong đó có giấy tờ của ông N hay không nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của Cơ quan CS.

Các bên đương sự không thỏa thuận được về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng; về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Cơ quan CS, sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn ông Châu Ngọc N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hai nội dung hoàn toàn độc lập là: Yêu cầu Viện KS bồi thường 50.660.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con tên Châu Trần Ngọc Lan H, sinh năm 1987 và yêu cầu Cơ quan CS có trách nhiệm trả cho ông “Một số giấy tờ được đánh số từ 01 đến số 59 tờ có chữ ký tên Châu Ngọc N phía mặt sau” theo bản thống kê những đồ vật tạm giữ khi khám xét ngày 10/12/1990. Lẽ ra, Tòa án cấp sơ thẩm phải hướng dẫn cho nguyên đơn sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện để xác định ai là bị đơn trong vụ án nhưng Tòa án cấp sơ thẩm lại xác định Viện KS là bị đơn, Cơ quan CS là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chưa chính xác. Tuy nhiên, về nội dung thì Tòa án cấp sơ thẩm đã giải quyết toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, đã đảm bảo quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia tố tụng nên không cần thiết phải xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các bên.

[2] Ông Châu Ngọc N khởi kiện yêu cầu Cơ quan CS có trách nhiệm trả cho ông “Một số giấy tờ được đánh số từ 01 đến số 59 tờ có chữ ký tên Châu Ngọc N phía mặt sau” theo bản thống kê những đồ vật tạm giữ khi khám xét ngày 10/12/1990. Trường hợp Cơ quan CS đã làm mất các giấy tờ này thì yêu cầu bồi thường cho ông số tiền 90.030.375.000 đồng.

Cơ quan CS thừa nhận có thu giữ “Một số giấy tờ được đánh số từ 01 đến số 59 tờ có chữ ký tên Châu Ngọc N phía mặt sau” theo bản thống kê những đồ vật tạm giữ khi khám xét ngày 10/12/1990, mục đích thu giữ để phục vụ điều tra cho 03 vụ án Hồ Văn H2, Nguyễn Thành S và Ngô Thanh M vì ông N có liên quan đến cả 03 vụ án này. Cơ quan CS đồng ý trả lại cho ông N các giấy tờ này nên đã trực tiếp đến Tòa án nhân dân tối cao tìm trong hồ sơ vụ án Hồ Văn H2 và đã tìm được 33 giấy tờ, hiện Cơ quan CS vẫn còn đang lưu giữ. Riêng 02 hồ sơ Nguyễn Thành S và Ngô Thanh M chưa tiếp cận được nên chưa thực hiện tìm kiếm đối với 02 hồ sơ này. Cơ quan CS đề nghị gia hạn thêm thời gian để tiếp tục tìm kiếm. Sau khi hoàn tất việc tìm kiếm mà không tìm được thì sẽ có pH án thỏa thuận cụ thể với ông N. Xét thấy, đề nghị gia hạn thêm thời gian tìm kiếm của Cơ quan CS trong quá trình giải quyết tại Tòa án cấp sơ thẩm là không phù hợp vì không ấn định được thời điểm cụ thể để kết thúc việc tìm kiếm và thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án của Tòa án cấp sơ thẩm đã hết, trong khi Tòa án cấp sơ thẩm đã tạo điều kiện về thời gian cho Cơ quan CS để truy tìm tài liệu.

[3.1] Theo Quyết định Giám đốc thẩm số: 107/2019/DS-GĐT ngày 07/5/2019 đã nhận định: Cơ quan CS không trả lại bản chính 59 giấy tờ theo biên bản tạm giữ ngày 10/12/1990 cho ông N thì ông N không thể thực hiện được quyền khởi kiện đối với những người trước đây đã từng xác lập giao dịch với ông và không đúng với quy định tại Điều 8 Nghị quyết số 388/2003/NQ-UBTVQH 11 ngày 17/3/2003 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội. Tại phiên toà phúc thẩm người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cho rằng theo Công văn số 104/TANDTC- TH ngày 23/5/2022 của Toà án nhân dân tối cao trả lời cho Cơ quan CS cùng bảng đối chiếu bút lục của Cơ quan CS trong hồ sơ vụ án Hồ Văn H2 thì trong đó có các tài liệu của ông Châu Ngọc N. Theo hồ sơ được Cơ quan CS chuyển giao cho Viện KS thì có 2.287 tài liệu trong đó tài liệu của ông N được đánh bút lục từ 441 đến 598 là 151 tài liệu, không phải 141 nên xác định hồ sơ liên qua đến ông Châu ngọc N đã bị thiếu nhưng không thể xác định các tài liệu bị thiếu là những tài liệu nào và có liên quan đến ông Châu Ngọc N hay không.

[3.2] Căn cứ “bản thống kê những đồ vật tạm giữ khi khám xét ngày 10/12/1990 của Cơ quan CS có nội dung tạm giữ “Một số giấy tờ được đánh số từ 01 đến số 59 tờ có chữ ký tên Châu Ngọc N phía mặt sau” không được liệt kê

cụ thể các giấy tờ đó là giấy tờ gì, tên loại hoặc tiêu đề của giấy tờ đã thu giữ”. Căn cứ vào biên bản bàn giao hồ sơ vụ án ngày 18/6/1991 giữa bên bàn giao là Cơ quan CS với bên nhận là Viện KS thì chỉ thể hiện là bên Cơ quan CS bàn giao cho Viện KS hồ sơ gồm 27 tập, không có bản kê các tài liệu giấy tờ cụ thể của từng tập và tài liệu chi tiết trong hồ sơ chuyển giao nên không thể xác định được có bao nhiêu giấy tờ có trong hồ sơ và trong đó có bao nhiêu giấy tờ của ông Châu Ngọc N. Mặc khác, ông N khẳng định chỉ yêu cầu cơ quan thu giữ các giấy tờ của ông là Cơ quan CS hoàn trả cho ông nên kháng cáo của Cơ quan CS về việc cần buộc Cơ quan CS, Viện KS và Tòa án xét xử cấp sơ thẩm, phúc thẩm, Tòa án nhân dân tối cao nơi lưu trữ hồ sơ phải cùng có trách nhiệm tìm và giao trả lại những tài liệu theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ để chấp nhận.

[4] Từ những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy việc ông N yêu cầu Cơ quan CS trả lại cho ông “Một số giấy tờ được đánh số từ 01 đến số 59 tờ có chữ ký tên Châu Ngọc N phía mặt sau” theo bản thống kê những đồ vật tạm giữ khi khám xét ngày 10/12/1990 là có căn cứ nên chấp nhận. Trong quá trình tố tụng, ông N đã tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện, theo đó không yêu cầu Cơ quan CS giao trả cho ông 12 giấy tờ nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông N mà buộc Cơ quan CS giao trả cho ông N 59 giấy tờ là thiếu sót nên cần hủy đình chỉ giải quyết một phần bản án sơ thẩm, sửa bản án dân sự sơ thẩm là phù hợp.

[5] Cơ quan CS thừa nhận có thu và đồng ý trả ông N 47 giấy tờ theo biên bản tạm giữ ngày 10/12/1990 nhưng do chưa kết thúc việc tìm kiếm nên chưa tìm đủ để trả cho ông N. Cơ quan CS khẳng định không làm mất các giấy tờ này, đồng thời ông N khởi kiện yêu cầu giao trả 47 giấy tờ nên Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết yêu cầu của ông N về việc đòi bồi thường giá trị thực tế của 47 giấy tờ theo biên bản tạm giữ ngày 10/12/1990 với số tiền 90.030.375.000 đồng là phù hợp.

[6] Tại biên bản hòa giải ngày 07/01/2022, ngày 24/02/2022 và tại phiên tòa sơ thẩm ông Châu Ngọc N trình bày rút lại yêu cầu khởi kiện đối với Viện KS về việc yêu cầu bồi thường 50.660.000 đồng tiền cấp dưỡng nuôi con tên Châu Trần Ngọc Lan H, sinh năm 1987. Việc rút lại yêu cầu khởi kiện này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc nên Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ giải quyết yêu cầu này của ông N là phù hợp quy định tại Điều 244 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015.

[7] Về án phí: Không thu các khoản án phí theo quy định tại Điều 76 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2, 4 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Cơ quan CS là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số: 14/2022/DS-ST ngày 30 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố BT.

Áp dụng Điều 30, Điều 53, Điều 76 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017; Điều 8 Nghị quyết số 388/2003/NQUBTVQH11 ngày 17/3/2003 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của ông Châu Ngọc N về việc yêu cầu Viện KS bồi thường 50.660.000 đồng (năm mươi triệu sáu trăm sáu mươi nghìn đồng) tiền cấp dưỡng nuôi con tên Châu Trần Ngọc Lan H, sinh năm 1987.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của ông Châu Ngọc N về việc yêu cầu Cơ quan CS có trách nhiệm giao trả cho ông Châu Ngọc N “12 (mười hai) giấy tờ, trong tổng số 59 (năm mươi chín) giấy tờ có chữ ký tên Châu Ngọc N phía mặt sau”, theo bản thống kê những đồ vật tạm giữ khi khám xét ngày 10 tháng 12 năm 1990.

3. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Châu Ngọc N đối với Cơ quan CS.

Buộc Cơ quan CS có trách nhiệm trả cho ông Châu Ngọc N 47 (bốn mươi bảy) giấy tờ trong số 59 (năm mươi chín) giấy tờ được ghi nhận tại “Một số giấy tờ được đánh dấu từ 01 (một) đến 59 (năm mươi chín) có chữ ký tên Châu Ngọc N phía mặt sau”, theo bản thống kê những đồ vật tạm giữ khi khám xét ngày 10 tháng 12 năm 1990.

4. Về án phí: Không thu các khoản án phí theo quy định tại Điều 76 Luật trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND thành phố BT;
- Chi cục THADS thành phố BT;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV và THA;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Kim Cúa